

Bản án số: 01/2018/KDTM-ST

Ngày: 28 - 9 -2018

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Đào

2. Bà Đậu Thị Phú

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Duẩn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2018/TLST-KDTM ngày 06 tháng 7 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXX-ST ngày 05 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng V; địa chỉ: Số 89, đường L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Tiến L; địa chỉ: Số 108, đường T, thành phố Đ; tỉnh Quảng Bình (Theo văn bản ủy quyền số 04/2017/UQ – HDQT ngày 18/10/2017 và Văn bản ủy quyền số 33/2018/UQ-VPB ngày 06/02/2018)

2. Bị đơn: Công ty N

Địa chỉ: thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn L. Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: thôn H, xã Quảng P, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Ông Trần Tiến L và ông Nguyễn Văn L có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/6/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng V trình bày:

Công ty N có vay vốn tại Ngân hàng V theo hai hợp đồng tín dụng, cụ thể:

- Theo Hợp đồng tín dụng số 091014-1255885-01-SME (LD1428300087), ngày 09/10/2014 Công ty N đã vay tại Ngân hàng V số tiền 700.000.000 đồng, thời hạn vay: 48 tháng, tính từ ngày 10/10/2014. Lãi suất vay 10,85%/năm, lãi nợ quá hạn: 150% lãi nợ trong hạn. Mục đích vay: thanh toán tiền mua xe ô tô.

Tài sản bảo đảm tiền vay: Xe ô tô tải hiệu THACO AUMAN D250/W340 mang BKS 73C-033.41, màu đỏ. Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 000965 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 01/10/2014. Hai bên có ký hợp đồng thế chấp số 091014-1255885-01-SME/TC. Hợp đồng thế chấp có đăng ký giao dịch bảo đảm số 1166899332 ngày 10/10/2014.

Theo đó, giữa ông Nguyễn Văn L là bên bảo lãnh và Ngân hàng V là bên nhận bảo lãnh tiến hành ký kết Hợp đồng bảo lãnh số 091014-1255885-01-SME/HĐBL ngày 09/10/2014 có nội dung bên bảo lãnh phải thực hiện tất cả các nghĩa vụ của bên được bảo lãnh là Công ty N phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 091014-1255885-01-SME ngày 09/10/2014 giữa Công ty N đã ký kết với Ngân hàng V.

- Theo Hợp đồng tín dụng số 230415-1255885-01-SME ngày 24/4/2015 Công ty N đã vay tại Ngân hàng V số tiền 550.000.000 đồng; Thời gian vay: 48 tháng, tính từ ngày 24/4/2015. Lãi suất vay: 11,55%/năm. Lãi nợ quá hạn: 150% mức lãi suất trong hạn. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô

Tài sản bảo đảm tiền vay là 02 xe ô tô:

- 01 xe ô tô tải hiệu THACO FLD800B có BKS 73C-040.97, màu xanh. Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 003093 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 23/4/2015. Hai bên có ký hợp đồng thế chấp số 230415-1255885-01-SME/TC. Hợp đồng thế chấp có đăng ký giao dịch bảo đảm số 1179700831 ngày 24/4/2015.

-01 xe ô tô tải hiệu THACO FLD800B mang BKS 73C-040.47, màu xanh. Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 003096 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 23/4/2015. Hai bên có ký hợp đồng thế chấp xe ô tô số 230415-1255885-02-SME/TC. Hợp đồng thế chấp có đăng ký giao dịch bảo đảm số 1179704763 ngày 24/4/2015.

Theo đó, giữa ông Nguyễn Văn L là bên bảo lãnh và Ngân hàng V là bên nhận bảo lãnh tiến hành ký kết Hợp đồng bảo lãnh số 230415-1255885-01-SME/HĐBL ngày 24/4/2015 có nội dung bên bảo lãnh phải thực hiện tất cả các nghĩa vụ của bên được bảo lãnh là Công ty N phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số

230415-1255885-01-SME ngày 24/4/2015 giữa Công ty N đã ký kết với Ngân hàng V.

Quá trình thực hiện hợp đồng, công ty N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc: 595.036.154 đồng và số tiền lãi 285.884.151 đồng. Tổng cộng: 880.880.305 đồng.

Đến ngày 25/01/2017 Công ty N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Ngân hàng V nên Ngân hàng đã chuyển khoản vay trên sang nợ quá hạn kể từ ngày 26/12/2016.

Tại phiên tòa phía nguyên đơn xuất trình Bảng kê tính lãi, tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm (28/9/2018): Ngân hàng V yêu cầu Tòa án buộc công ty N phải thanh toán cho V toàn bộ số tiền nợ gốc 640.363.846 đồng và số nợ lãi tính đến ngày 28/9/2018 là 113.078.181 đồng; trong đó: lãi trong hạn: 39.726.539 đồng và lãi quá hạn: 73.351.642 đồng. Tổng cộng: 753.442.027 đồng.

Ngân hàng yêu cầu công ty N tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng V toàn bộ số tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi Công ty N thanh toán hết nợ cho Ngân hàng V.

Trường hợp Công ty N không thực hiện nghĩa vụ đối với Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền tự bán tài sản hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của Công ty N. Trường hợp tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán các khoản nghĩa vụ của Công ty thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của Công ty N để thanh toán nợ cho V và thực hiện theo nội dung Hợp đồng bảo lãnh số 091014-1255885-01-SME/HĐBL ngày 09/10/2014 và Hợp đồng bảo lãnh số 230415-1255885-01-SME/HĐBL ngày 24/4/2015 giữa ông Nguyễn Văn L đã ký kết với Ngân hàng V.

Tại bản tự khai ngày 24/7/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn L - người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty N trình bày:

Vào ngày 09/10/2014, Công ty N có thực hiện vay vốn tại Ngân hàng V số tiền 700.000.000 đồng, theo hợp đồng tín dụng số 091014-1255885-01-SME (LD1428300087), lãi suất 10,85%/năm, thời hạn vay: 48 tháng, tính từ ngày 10/10/2014, lãi nợ quá hạn: 150% lãi nợ trong hạn. Mục đích vay: thanh toán tiền mua xe ô tô.

Để đảm bảo thực hiện Hợp đồng tín dụng Công ty N có thể chấp: 01 Xe ô tô tải hiệu THACO AUMAN D250/W340 mang BKS 73C-033.41, màu đỏ. Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 000965 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 01/10/2014.

Ngoài ra, vào ngày 24/4/2015, Công ty N có vay tại Ngân hàng V số tiền 550.000.000 theo Hợp đồng tín dụng số 230415-1255885-01-SME; Thời gian vay:

48 tháng, tính từ ngày 24/4/2015. Lãi suất vay: 11,55%/năm. Lãi suất quá hạn: 150% mức lãi suất trong hạn. Mục đích vay: thanh toán tiền mua xe ô tô.

Để đảm bảo thực hiện Hợp đồng tín dụng Công ty N đã thế chấp: 01 xe ô tô tải hiệu THACO FLD800B mang BKS 73C-040.97, màu xanh. Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 003093 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 23/4/2015 và 01 xe ô tô tải hiệu THACO FLD800B mang BKS 73C-040.47, màu xanh. Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 003096 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 23/4/2015.

Để cam kết nghĩa vụ trả nợ của Công ty N thì giữa ông Nguyễn Văn L đã ký kết với Ngân hàng V Hợp đồng bảo lãnh số 091014-1255885-01-SME/HĐBL ngày 09/10/2014 và Hợp đồng bảo lãnh số 230415-1255885-01-SME/HĐBL ngày 24/4/2015.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc: 595.036.154 đồng và số tiền lãi 285.884.151 đồng. Tổng cộng: 880.880.305 đồng.

Do Công ty gặp rủi ro trong kinh doanh và khó khăn về tài chính nên từ ngày 25/01/2017 đến nay Công ty N không thể thanh toán khoản nợ gốc và lãi còn lại cho Ngân hàng V

Hiện tại Công ty N có nguyện vọng xin ngân hàng tạo điều kiện giúp đỡ cho công ty trả nợ mỗi năm 100.000.000 đồng cho đến khi thanh toán hết khoản nợ đối với ngân hàng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng V không chấp nhận ý kiến này vì phía Ngân hàng đã tạo điều kiện cho Công ty được sử dụng 03 chiếc xe ô tô để tiếp tục tạo nguồn thu nhưng công ty vẫn không có phương án thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng đã tuân theo pháp luật tố tụng. Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch không có kiến nghị đối với vụ án này.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 342, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 và 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty N phải trả nợ cho Ngân hàng V số tiền 753.442.027 đồng, trong đó: tiền nợ gốc 640.363.846 đồng và nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/9/2018) là 113.078.181 đồng; trong đó: lãi trong hạn: 39.726.539 đồng và lãi quá hạn: 73.351.642 đồng. Buộc bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn Công ty N có địa chỉ tại: thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Căn cứ Điểm b, Khoản 1, Điều 35; Điểm a, Khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch. Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận nên đây là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về nội dung tranh chấp, yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định: Giữa Ngân hàng V với Công ty N đã giao kết:

Hợp đồng tín dụng số 091014-1255885-01-SME (LD1428300087) ngày 09/10/2014 với số tiền vay 700.000.000 đồng, lãi suất 10,85%/năm, thời hạn vay: 48 tháng, tính từ ngày 10/10/2014. Kỳ hạn trả nợ: lãi trả và gốc 01 tháng/lần vào ngày 25, lãi nợ quá hạn: 150% lãi nợ trong hạn. Mục đích vay: thanh toán tiền mua xe ô tô

Hợp đồng tín dụng số 230415-1255885-01-SME ngày 24/04/2015 với số tiền 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng); Thời gian vay: 48 tháng, tính từ ngày 24/4/2015. Lãi suất vay: 11,55%/năm. Lãi suất quá hạn: 150% mức lãi suất trong hạn; Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô.

Hợp đồng bảo lãnh số 091014-1255885-01-SME/HĐBL ngày 09/10/2014 và Hợp đồng bảo lãnh số 230415-1255885-01-SME/HĐBL ngày 24/4/2015 có nội dung bên bảo lãnh phải thực hiện tất cả các nghĩa vụ của bên được bảo lãnh là Công ty N phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 091014-1255885-01-SME ngày 09/10/2014 giữa Công ty N đã ký kết với Ngân hàng V.

Các hợp đồng được ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, chủ thể ký hợp đồng là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và có đủ thẩm quyền ký kết hợp đồng theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Hợp đồng phát sinh hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Xét việc thực hiện hợp đồng giữa các bên: Nguyên đơn đã thực hiện đúng hợp đồng, đã giải ngân cho bị đơn vay số tiền gốc là 700.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 091014-1255885-01-SME ngày 09/10/2014 và số tiền 550.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 230415-1255885-01-SME ngày 24/04/2015. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc: 595.036.154 đồng và số tiền lãi 285.884.151 đồng. Đến ngày

25/01/2017 bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ về thời hạn và phương thức trả nợ theo Điều 4 của Hợp đồng tín dụng nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 và 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V, buộc Công ty N phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng V số tiền 753.442.027 đồng, trong đó: tiền nợ gốc 640.363.846 đồng và nợ tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/9/2018) là 113.078.181 đồng; trong đó: lãi trong hạn: 39.726.539 đồng và lãi quá hạn: 73.351.642 đồng.

Đối với nghĩa vụ chậm thi hành án tiền vay do tổ chức tín dụng cho vay, áp dụng Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao để tính lãi chậm trả.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (28/9/2018), Công ty N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[3] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm: Công ty N đã thế chấp:

01 xe ô tô tải hiệu THACO AUMAN D2550/W340 mang BKS 73C-033.41, màu đỏ, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 000965 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 01/10/2014; 01 xe ô tô tải hiệu THACO FLD800B mang BKS 73C-040.97 màu xanh, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 0003093 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 24/4/2015 và 01 xe ô tô tải hiệu THACO FLD800B mang BKS 73C-040.47 màu xanh, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 0003096 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 23/4/2015 theo các Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 091014-1255885-01-SME/TC, hợp đồng thế chấp xe ô tô số 230415-1255885-02-SME/TC và Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 230415-1255885-02-SME/TC. Các hợp đồng thế chấp đều có nội dung và hình thức và có đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia. Xét yêu cầu của nguyên đơn đã được ghi nhận tại Điều 7 về Các trường hợp xử lý tài sản thế chấp của hợp đồng thế chấp, nội dung thỏa thuận này phù hợp với Khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng quy định về quyền xử lý tài sản bảo đảm khi khách hàng không trả được nợ đến hạn; Khoản 1 Điều 56, Điều 62 của Nghị định 136/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Vì vậy chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về xử lý tài sản bảo đảm.

Các giấy tờ đăng ký 03 xe ô tô gồm Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 000965 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 01/10/2014; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 0003093 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 24/4/2015; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 0003096 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 23/4/2015 về được chuyển giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch xử lý theo quy định của Luật Thi hành án dân sự khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án.

Đối với 2 Hợp đồng bảo lãnh lãnh số 091014-1255885-01-SME/HĐBL ngày 09/10/2014 và Hợp đồng bảo lãnh số 230415-1255885-01-SME/HĐBL ngày 24/4/2015 phát sinh hiệu lực vì vậy trong trường hợp tài sản của Công ty N không đủ để thanh toán các khoản khoản nợ đối với Ngân hàng V thì ông Nguyễn Văn L là bên bảo lãnh phải có nghĩa vụ thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên được bảo lãnh là Công ty N phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 091014-1255885-01-SME ngày 09/10/2014 và Hợp đồng tín dụng số 230415-1255885-01-SME ngày 24/4/2015 giữa Công ty N đã ký kết với Ngân hàng V.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận vì vậy bị đơn Công ty N phải chịu toàn bộ án phí vụ án. Công ty N phải nộp số tiền 34.137.000 đồng để sung vào công quỹ nhà nước. Xét ông Nguyễn Văn L là Giám đốc Công ty N có đơn xin giảm án phí, đơn trình bày có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, gặp sự kiện bất khả kháng và đơn đã có xác nhận của UBND xã Q nên áp dụng Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, giảm 50% mức án phí mà Công ty N phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 342, Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 và 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 144, Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Án lệ số 08/2016/AL được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về quyền kháng cáo;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng V về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” đối với bị đơn Công ty N.

Buộc bị đơn Công ty N phải trả Ngân hàng V số tiền 753.442.027 đồng, trong đó: tiền nợ gốc 640.363.846 đồng và nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/9/2018) là 113.078.181 đồng; trong đó: lãi trong hạn: 39.726.539 đồng và lãi quá hạn: 73.351.642 đồng.

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/9/2018), bên vay Công ty N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”

2. Các tài sản đã thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ cho Công ty N bao gồm:

01 xe ô tô tải hiệu THACO AUMAN D2550/W340 mang BKS 73C-033.41, màu đỏ, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 000965 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 01/10/2014;

01 xe ô tô tải hiệu THACO FLD800B mang BKS 73C-040.97, màu xanh. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 0003093 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 24/4/2015;

01 xe ô tô tải hiệu THACO FLD800B mang BKS 73C-040.47, màu xanh, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 0003096 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 23/4/2015.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu Công ty N không hoàn tất việc thanh toán tiền cho Ngân hàng V số tiền dư nợ gốc, lãi trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của Công ty N. Trường hợp tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán các khoản nghĩa vụ của Công ty thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của Công ty N để thanh toán nợ cho V.

Trong trường hợp tài sản của Công ty N không đủ để thanh toán các khoản nợ đối với Ngân hàng V thì bên bảo lãnh là ông Nguyễn Văn L phải có nghĩa vụ thực hiện toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp đồng bảo lãnh số 091014-1255885-01-SME/HĐBL ngày 09/10/2014 và Hợp đồng bảo lãnh số 230415-1255885-01-SME/HĐBL ngày 24/4/2015 của bên được bảo lãnh là Công ty N phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 091014-1255885-01-SME ngày 09/10/2014 và Hợp đồng tín

dụng số 230415-1255885-01-SME ngày 24/4/2015 giữa Công ty N đã ký kết với Ngân hàng V.

Các giấy tờ đăng ký 03 xe ô tô gồm Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 000965 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 01/10/2014; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 0003093 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 24/4/2015; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 0003096 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 23/4/2015 được chuyển giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch xử lý theo quy định của Luật Thi hành án dân sự khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu.

Về án phí: Công ty N phải chịu 17.068.500 đồng (mười bảy triệu không trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng V số tiền tạm ứng án phí 16.434.484 (mười sáu triệu bốn trăm ba mươi tư ngàn bốn trăm tám mươi tư đồng) mà nguyên đơn đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q theo biên lai số 0001111 ngày 03/7/2018.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28/9/2018).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS huyện Quảng Trạch;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Phương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

